TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 10 năm 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1993. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Kiều Duy D, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm 6, thôn Q 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị T kết hôn với anh Kiều Duy D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 04/4/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D là người nghiện rượu, thường xuyên say xỉn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, hay đánh đập vợ con, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2017 đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh D không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiều Duy D.

Về con chung: Chị T và anh D hiện có 02 con chung là Kiều Duy K1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2011 và Kiều Duy B1, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016. Hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, còn anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1. Khi ly hôn, chị T không có tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Kiều Duy K1, còn anh D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Kiều Duy B1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Kiều Duy D để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng anh Dvắng mặt tại buổi làm việc, không tham gia phiên hợp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Kiều Duy D. Đây là quan hệ tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*". Bị đơn anh Kiều Duy D cư trú tại thôn Q 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; bị đơn vắng mặt không có ly do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Kiều Duy D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 04/4/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 05 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Chị T cho rằng anh D là người nghiện rượu, không quan tâm đến gia đình, hay đánh đập vợ con. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Từ những nguyên nhân trên, chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, anh D và chị T hiện cư trú tại thôn Q 2, thị trấn B, huyện K. Quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, anh D là người thường xuyên uống rượu.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay, việc kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ không đem lại kết quả tốt cho các bên. Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị T và anh D hiện có 02 con chung là Kiều Duy K1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2011 và Kiều Duy B1, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016. Hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, còn anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T không có tranh chấp về nuôi dưỡng con chung, trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn và tình hình thực tế giữa các bên. Cần tiếp tục giao con chung Kiều Duy K1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Kiều Duy B1, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Kiều Duy D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Kiều Duy K1, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2011 cho cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Kiều Duy B1, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 cho anh Kiều Duy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Chị T và anh D có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 0005697 ngày 29 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Tân